

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ – ST
Ngày 16/8/2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Thìn và bà Trịnh Thị Phương Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Thanh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21/6/2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kiều H, sinh năm 1975, có mặt;

Nơi cư trú: Xóm M, thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1973, có mặt;

Nơi cư trú: Xóm M, thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tấn L- Công ty luật TNHH MTV LCA - Chi nhánh tại Quảng Ngãi, có mặt;

Địa chỉ: Hẻm 1166 Q, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2022, Biên bản hòa giải ngày 13 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Kiều H trình bày yêu cầu như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 1996, Bà Huỳnh Thị Kiều H và Ông Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Trước năm 2020, vợ chồng cũng đã phát sinh mâu thuẫn, từ đến năm 2020 đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân mâu thuẫn: Ông H

thường xuyên uống rượu về nhà gây chuyện, đánh đập vợ con. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn thương yêu, tôn trọng nhau. Người thân trong gia đình nhiều lần nhắc nhở, khuyên ngăn, hòa giải nhưng ông H vẫn không thay đổi. Vào tháng 02 năm 2022, ông H uống rượu say, đánh, đuổi bà H ra khỏi nhà, Công an xã B mời ông H đến trụ sở Công an để giải quyết. Từ đó đến nay, bà H ra ngoài thuê nhà ở riêng. Nay bà H xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông H mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với Ông Bùi Văn H.

2. *Về con chung*: Bà Huỳnh Thị Kiều H xác định, bà và ông H có hai con chung là Bùi Thị Hoàng H, sinh năm 1998 và Bùi Hoàng H, sinh năm 2000; các con đã đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng.

3. *Về tài sản chung*: Bà Huỳnh Thị Kiều H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ tài sản chung*: Bà Huỳnh Thị Kiều H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Ông Bùi Văn H tại văn bản tự khai ngày 23/6/2022, Biên bản hòa giải ngày 13 tháng 7 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông H trình bày như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Năm 1996, Ông Bùi Văn H và Bà Huỳnh Thị Kiều H có kết hôn như Bà H trình bày là đúng. Quá trình sống chung, vợ chồng không có gì mâu thuẫn nghiêm trọng, trong cuộc sống đôi khi vợ chồng cũng có nói qua nói lại nhưng không có gì nghiêm trọng. Hằng ngày ông H vẫn quan tâm, chăm sóc vợ, con; vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc con cái, nuôi dạy các con khôn lớn. Khoảng tháng 02/2022, vợ chồng có lời qua tiếng lại trong khi ông H đi làm về mệt nên có lỡ tay đánh Bà H bập tai, sau đó Bà H thuê nhà ở riêng cho đến nay, thỉnh thoảng bà H có về nhà. Hiện nay, ông H còn thương yêu vợ, con. Ông H mong muốn gia đình được đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, ông H trình bày: Trước tháng 3/2022, ông nghiện rượu, thường xuyên say xỉn, gây chuyện làm xáo trộn trong gia đình; nguyên nhân Bà H ly hôn là do ông nghiện rượu, nhiều lần có hành vi quậy phá, đánh đập vợ, con. Tuy nhiên, từ khi Bà H bỏ đi ra ngoài thuê nhà ở riêng thì ông đã bỏ rượu, chăm lo cho vợ, con; nhiều lần ông định đến nơi tạm trú của Bà H để động viên Bà H về sống chung nhưng ông không dám tới, sợ làm phiền vợ, con, vì Bà H nói, nếu ông tìm đến chỗ bà đang ở thì Bà H sẽ chuyển đi ở nơi khác.

2. *Về con chung*: Ông Bùi Văn H thống nhất như Bà H trình bày là đúng.

3. *Về tài sản chung*: Ông H đồng ý chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ chung về tài sản*: Ông H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Huỳnh Thị Kiều H:

Về quan hệ hôn nhân giữa Bà H và ông H mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đủ căn cứ cho ly hôn. Đề nghị Hội đồng

xét xử áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Bà H được ly hôn với ông H.

Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, Điều 39, Điều 68, Điều 195, Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đều thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận Bà Huỳnh Thị Kiều H được ly hôn với Ông Bùi Văn H.

2.2. *Về con chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Bà Huỳnh Thị Kiều H và Ông Bùi Văn H chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.4. *Về án phí:* Bà Huỳnh Thị Kiều H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Thị Kiều H và Ông Bùi Văn H có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời trình bày của hai bên đương sự, quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Trước tháng 3/2022, Ông Bùi Văn H nghiện rượu nên thường xuyên uống rượu, sau khi có men rượu thì thường gây chuyện, đánh đập Bà H gây mất trật tự, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Sự việc kéo dài nhiều năm, gây lo lắng, bất an cho Bà H và các con chung trong gia đình. Tại phiên tòa, ông H thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến Bà H ly hôn là do lỗi của ông.

Về mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn được các con chung của ông H, Bà H và Công an xã B xác nhận là có thật như Bà H trình bày là có căn cứ. Sự việc Ông Bùi Văn H uống rượu về nhà đánh đập Bà H làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, Bà H có trình báo Công an xã để mời ông H làm việc, nhắc nhở. Nay Bà H cương quyết yêu cầu ly hôn và không mong muốn đoàn tụ sống chung với ông H.

Xét thấy, Ông Bùi Văn H có hành vi bạo lực gia đình; vi phạm quyền, nghĩa vụ của người chồng và làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho Bà H được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống hai bên và cũng nhằm tránh việc ông H tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Bà H và ông H không yêu cầu nên không giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà H và ông H chưa yêu cầu nên không giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bà Huỳnh Thị Kiều Hoanh phải có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch về ly hôn, số tiền 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng Bà H được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên*: Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị Kiều H được ly hôn với Ông Bùi Văn H.

2. *Về con chung*: Bà Huỳnh Thị Kiều H và Ông Bùi Văn H không yêu cầu nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà Huỳnh Thị Kiều H và Ông Bùi Văn H chưa yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí*: **Bà Huỳnh Thị Kiều H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số: 0002475 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. *Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

6. Bà Huỳnh Thị Kiều H và Ông Bùi Văn H có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16/8/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Toại

